

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 03/ 2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/8/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Sáu

Ông Hoàng Văn Lược

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 -Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 202; Quyết định hoãn phiên tòa số : 05/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/ QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2025 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị [Bùi Thị B](#), sinh năm 1993

Nơi cư trú: [Thôn D, phường Q, , tỉnh Thanh Hóa](#) ( trước đây là [Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) ( Chị [B](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh [Cao Văn T](#), sinh năm 1991

Nơi cư trú: [Thôn D, phường Q, , tỉnh Thanh Hóa](#) ( trước đây là [Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2025; bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị [Bùi Thị B](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Cao Văn T](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại [UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra

va chạm cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc .  
Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị làm đơn đề nghị  
Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Cao Văn T](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là [Cao Gia H](#) (nam), sinh ngày 10/11/2017 và [Cao Gia H1](#) (nữ), sinh ngày 21/6/2019. Nếu ly hôn chị [B](#) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu [H](#) và [H1](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh [T](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 07/5/2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh [Cao Văn T](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị [Bùi Thị B](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Đăng ký kết hôn tại [UBND xã Q, thị xã B](#) vào ngày 01/8/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại [thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#). Vợ chồng chung sống được hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh cảm thấy chị [B](#) lạnh nhạt với anh, anh có nghi ngờ chị [B](#) ngoại tình. Năm 2019, anh đi xuất khẩu lao động thì vợ anh có đưa con vào [D](#) làm ăn và sinh sống tại [D](#). Đến năm 2022, chị [B](#) về quê chơi và anh cũng về nước. Chị [B](#) lại đưa con vào [D](#) không muốn ở quê và muốn anh vào đây làm ăn cùng anh cùng chị [B](#). Vợ chồng vào [D](#) làm ăn không được, nên anh đã về [B](#) sinh sống. Đến cuối năm 2024, anh vào đón con về [Thanh hóa H2](#) và sinh sống cùng với anh. Bản thân anh không muốn ly hôn vì các con, nhưng nếu chị [B](#) cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là [Cao Gia H](#) (nam), sinh ngày 10/11/2017 và [Cao Gia H1](#) (nữ), sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay hai cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu [H](#) và [H1](#) đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu chị [B](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh [Cao Văn T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn anh [Cao Văn T](#) trình bày xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo đơn khởi kiện của chị [B](#). Anh [T](#) xin được nuôi 02 con chung và không đề nghị chị [B](#) đóng góp nuôi con chung. Về tài sản anh [T](#) không đề nghị giải quyết. Tại phiên toà vắng mặt chị [Bùi Thị B](#) do chị [B](#) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Bùi Thị B](#), đề nghị xử cho chị [Bùi Thị B](#) được ly hôn anh [Cao Văn T](#).

- Về con chung: Đề nghị giao con chung của vợ chồng là cháu [Cao Gia H](#) (nam), sinh ngày 10/11/2017 cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu [Cao Gia H1](#) (nữ), sinh ngày 21/6/2019 cho chị [Bùi Thị B](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

\* Về án phí: Đề nghị buộc chị [Bùi Thị B](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Bùi Thị B](#) khởi kiện yêu cầu TAND thị xã Bỉm Sơn (nay là TAND khu vực 6- Thanh Hoá) giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Cao Văn T](#). Đây là quan hệ pháp luật "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*";

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại [thôn D, xã Q, thị xã B](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về nội dung khởi kiện

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Bùi Thị B](#) và anh [Cao Văn T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) vào năm 2017. Vì vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị [B](#) trình bày nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, hai bên đều cảm thấy mệt mỏi. Quá trình giải quyết vụ án anh [Cao Văn T](#) cũng nhất trí ly hôn chị [Bùi Thị B](#) vì tình cảm vợ chồng không còn, có sự nghi ngờ nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị [Bùi Thị B](#) để xử cho chị [Bùi Thị B](#) được ly hôn anh [Cao Văn T](#) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là [Cao Gia H](#) (nam), sinh ngày 10/11/2017 và cháu thứ hai tên là [Cao Gia H1](#) (nữ), sinh ngày 21/6/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị [B](#), anh [T](#) đều xin được nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động và anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét theo nguyện vọng của cháu [H](#) có nguyện vọng ở với bố và hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội nên giao cháu [H](#) cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, còn cháu [H1](#) là con gái đang còn nhỏ cần có bàn tay chăm sóc của mẹ nên giao cháu [H1](#) cho chị [B](#) nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Bùi Thị B](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Bởi những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, khoản 1 điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

\* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Bùi Thị B](#).

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị [Bùi Thị B](#) và anh [Cao Văn T](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Cao Gia H](#) (giới tính: nam), sinh ngày 10/11/2017 cho anh [Cao Văn T](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; Giao cháu [Cao Gia H1](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 21/6/2019 cho chị [Bùi Thị B](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Bùi Thị B](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [Hoàng Phương L](#) (nộp thay chị [B](#)) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 24/4/2025 theo biên lai thu số: 0004743. Như vậy, chị [B](#) đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Bùi Thị B](#), có mặt anh [Cao Văn T](#).

Chị [Bùi Thị B](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết công khai bản án. Anh [Cao Văn T](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( 28/8/2025)

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- UBND
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TẠ THỊ HƯƠNG**